



LUYỆN NGHE NÓI 1000 TỪ VỰNG TIẾNG ANH THÔNG DỤNG

CHỦ ĐỀ 31: NGÔN NGỮ (LANGUAGE)

Tính từ



Adjective

Nâng cao



Advanced

Trạng từ



Adverb

Người mới bắt đầu



Beginner



LIVEWORKSHEETS

Cuộc trò chuyện



Conversation

Cuộc hội thoại



Dialogue

Từ điển



Dictionary

Trôi chảy



Fluent

Ngữ pháp



Grammar

Trung bình



Intermediate

Ngôn ngữ



Language

Nghe



Listen

LIVEWORKSHEETS

Bản địa



Native

Danh từ



Noun

ĐỌC



Read

Câu văn

2. Lara ~~left~~ ^{jumped} the crowd onto when you reach it. (James Connors)
3. He has been working here for ~~seventeen~~ ^{seventeen} years.
4. We stopped to see if he could ~~pick~~ ^{pick} up the trash.
5. Although he jumped aside, ~~his~~ ^{his} the stone hit him.
6. I decided to ~~climb~~ ^{climb} to the top of the hill to get a better view.
7. He jumped down after ~~hearing~~ ^{hearing} a warning to those standing below.
8. After a few minutes, I ~~look~~ ^{look} up and ~~saw~~ ^{saw} that it was getting dark.
9. I ~~saw~~ ^{saw} the blind man ~~cross~~ ^{cross} the busy road without aid.

Sentence

Nói



Speak

Động từ



Verb

Từ vựng



Vocabulary

Từ ngữ



Word

Viết



Write



LIVEWORKSHEETS